TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1007**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 7 - 2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Đẹp**.

2. Ông **Phạm Văn Chính**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hà Kim Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Mai Thị H**, sinh năm 1985. Địa chỉ: C ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: 5 Mỹ H, tổ I, ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà Mai Thị H và ông Nguyễn Anh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2010, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 120, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2010.

Vợ chồng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó đến năm 2017 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không cùng quan điểm sống, ông Nguyễn Anh T thường xuyên ăn nhậu, hay cãi nhau và không còn hòa hợp nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023. Trong thời gian ly thân, không còn quan tâm đến nhau và mạnh ai nấy sống. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Mai Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Anh T và bà Mai Thị H có 01 con chung tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 06/02/2011. Bà Mai Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; không yêu cầu ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Mai Thị H có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, ông Nguyễn Anh T vắng mặt không lý do và bà Mai Thị H có đơn yêu cầu không tiếp tục tổ chức hòa giải nên vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Mai Thị H và ông Nguyễn Anh T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn cư trú tại xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết và tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Anh T vắng mặt không lý do và bà Mai Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị H và ông Nguyễn Anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2010, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị H và ông Nguyễn Anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4] Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện bà Mai Thị H xác định đời sống hôn nhân giữa bà Mai Thị H và ông Nguyễn Anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

[6] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

[7] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng bà Mai Thị H và ông Nguyễn Anh T đã trải qua thời gian mâu thuẫn, không còn thương yêu, mỗi người mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau và đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống, bà Mai Thị H và ông Nguyễn Anh T có 01 con chung tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 06/02/2011. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mai Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung; không yêu cầu ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng; Tại bản tự khai ngày 31/3/2024, cháu Nguyễn Anh D xác định có nguyện vọng được mẹ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[9] Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

[10] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị H, giao 01 con chung tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 06/02/2011 cho bà Mai Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Anh D; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Anh T do bà Mai Thị H chưa có yêu cầu, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H đối với ông Nguyễn Anh T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Anh T.

3. Về con chung: Bà Mai Thị H và ông Nguyễn Anh T có 01 con chung tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 06/02/2011. Giao bà Mai Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Anh D cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Anh T cho đến khi bà Mai Thị H có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 27/02/2024, bà Mai Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0024077 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Liên Quân